

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐIỀU LỆ**

### **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG**

**(Sửa đổi lần III)**

# MỤC LỤC

|                                                                                                               |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| ĐIỀU LỆ .....                                                                                                 | 5  |
| CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG .....                                                                  | 5  |
| CHƯƠNG I.....                                                                                                 | 5  |
| NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....                                                                                    | 5  |
| Điều 1. Định nghĩa.....                                                                                       | 5  |
| Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Người đại diện theo pháp luật, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty..... | 6  |
| Điều 3. Thời hạn hoạt động của công ty .....                                                                  | 6  |
| CHƯƠNG II.....                                                                                                | 6  |
| NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY.....                                                        | 6  |
| Điều 4. Lĩnh vực kinh doanh .....                                                                             | 6  |
| Điều 5. Mục tiêu hoạt động.....                                                                               | 7  |
| Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán.....                                                                | 7  |
| Điều 7. Phạm vi hoạt động kinh doanh.....                                                                     | 7  |
| Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Công ty .....                                                                   | 7  |
| Điều 9. Các quy định hạn chế .....                                                                            | 8  |
| Điều 10. Các quy định về kiểm soát nội bộ .....                                                               | 9  |
| Điều 11. Các quy định về bảo mật thông tin.....                                                               | 9  |
| Điều 12. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp.....                                                                     | 9  |
| CHƯƠNG III .....                                                                                              | 9  |
| VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY .....                                                                                 | 9  |
| Điều 13. Vốn điều lệ, cổ phần của Công ty .....                                                               | 9  |
| Điều 14. Tăng, giảm vốn điều lệ.....                                                                          | 10 |
| Điều 15. Các cổ đông của Công ty .....                                                                        | 10 |
| Điều 16. Hạn chế đối với thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc .....                                               | 10 |
| Điều 17. Cơ cấu góp vốn tại thời điểm thông qua Điều lệ .....                                                 | 10 |
| Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông .....                                                                             | 11 |
| Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông .....                                                                  | 11 |
| Điều 20. Cổ phiếu, cổ phần, phát hành cổ phiếu .....                                                          | 13 |
| Điều 21. Chào bán, chuyển nhượng và thu hồi cổ phần .....                                                     | 14 |
| Điều 22. Mua lại cổ phần.....                                                                                 | 15 |
| Điều 23. Thừa kế cổ phần .....                                                                                | 16 |
| Điều 24. Phát hành trái phiếu.....                                                                            | 16 |
| CHƯƠNG IV .....                                                                                               | 16 |
| CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY.....                                                                        | 16 |
| Điều 25. Cơ cấu tổ chức và quản lý.....                                                                       | 16 |
| Điều 26. Đại hội đồng cổ đông .....                                                                           | 17 |
| Điều 27. Hội đồng quản trị .....                                                                              | 23 |
| Điều 28. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.....                                                        | 29 |
| Điều 29. Thư ký Công ty .....                                                                                 | 31 |
| Điều 30. Ban Kiểm soát.....                                                                                   | 31 |
| CHƯƠNG V .....                                                                                                | 34 |
| THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THUỞNG.....                                                                            | 34 |
| CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....                                                            | 34 |
| Điều 31. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty.....                                   | 34 |
| Điều 32. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty .....                           | 34 |
| Điều 33.....                                                                                                  | 34 |
| CHƯƠNG VI.....                                                                                                | 35 |
| NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY .....                                                                      | 35 |
| VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT .....                                                                             | 35 |
| Điều 34. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty và thành viên Ban Kiểm soát.....                                  | 35 |
| Điều 35. Hợp đồng, giao dịch của công ty với người có liên quan. ....                                         | 35 |
| CHƯƠNG VII.....                                                                                               | 35 |

|                                                                                                                 |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....                                                                               | 35 |
| Điều 36. Công nhân viên và công đoàn .....                                                                      | 35 |
| CHƯƠNG VIII .....                                                                                               | 36 |
| TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN ..... | 36 |
| Điều 37. Tài khoản ngân hàng .....                                                                              | 36 |
| Điều 38. Năm tài chính .....                                                                                    | 36 |
| Điều 39. Hệ thống kế toán .....                                                                                 | 36 |
| Điều 40. Kiểm toán Công ty .....                                                                                | 36 |
| Điều 41. Chế độ báo cáo và công bố thông tin .....                                                              | 37 |
| CHƯƠNG IX .....                                                                                                 | 37 |
| NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ .....                                             | 37 |
| Điều 42. Phân chia lợi nhuận .....                                                                              | 37 |
| Điều 43. Xử lý lỗ trong kinh doanh .....                                                                        | 37 |
| Điều 44. Trích lập các Quỹ theo quy định .....                                                                  | 37 |
| CHƯƠNG X .....                                                                                                  | 37 |
| TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, TỔ TỤNG TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY .....                                        | 37 |
| Điều 45. Tổ chức lại công ty .....                                                                              | 37 |
| Điều 46. Tổ tụng tranh chấp .....                                                                               | 38 |
| Điều 47. Giải thể và thanh lý .....                                                                             | 38 |
| Điều 48. Phá sản .....                                                                                          | 39 |
| CHƯƠNG XI .....                                                                                                 | 39 |
| SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ .....                                                                                | 39 |
| Điều 49. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ .....                                                                       | 39 |
| CHƯƠNG XII .....                                                                                                | 39 |
| HIỆU LỰC .....                                                                                                  | 39 |
| Điều 50. Hiệu lực .....                                                                                         | 39 |

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2009/TSC/ĐHĐCĐ-NQ ngày 9/10/2009  
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long)

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Định nghĩa**

1. Các định nghĩa sau đây được áp dụng trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác đi:

| <b>Thuật ngữ</b>                  | <b>Được hiểu là</b>                                                                                                                  |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Công ty</b>                    | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long                                                                                               |
| <b>Địa bàn kinh doanh</b>         | Lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài                                                                                                      |
| <b>Vốn điều lệ</b>                | Số vốn do cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ Công ty                                  |
| <b>Luật Chứng khoán</b>           | Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006                                   |
| <b>Luật Doanh nghiệp</b>          | Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005                                 |
| <b>Điều khoản</b>                 | Một Điều khoản của Điều lệ này                                                                                                       |
| <b>Ngày thành lập</b>             | Ngày Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.                                               |
| <b>Pháp luật</b>                  | Tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12/11/1996                 |
| <b>Người quản lý Công ty</b>      | Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc do Điều lệ Công ty quy định                                                              |
| <b>Cán bộ quản lý của Công ty</b> | Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và các vị trí quản lý khác do Tổng Giám đốc bổ nhiệm. |
| <b>Những người liên quan</b>      | Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán                                          |
| <b>Cổ đông lớn</b>                | Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành                          |
| <b>Cổ phần ưu đãi biểu quyết</b>  | Cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số cổ phần phổ thông                                                                 |
| <b>Việt Nam</b>                   | Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam                                                                                              |
| <b>UBCKNN</b>                     | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước                                                                                                          |

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

## **Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Người đại diện theo pháp luật, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long thành lập và hoạt động theo Quyết định số 98/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28/12/2007 và Quyết định số 291/UBCK-GP ngày 24/12/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước *(về việc tăng vốn điều lệ)*.

1. Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long là một pháp nhân.
2. Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG**  
Tên tiếng Anh: **THANGLONG SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**  
Tên giao dịch chính thức: **CÔNG TY CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG**  
Tên giao dịch viết tắt: **TSC**
3. Hội sở chính đặt tại Thủ đô Hà Nội nước Việt Nam  
Các thông tin đăng ký vào thời điểm thông qua Điều lệ này:
  - Trụ sở : 273 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
  - Điện thoại: 04.37262600 Fax: 04.37262601
  - Website: [www.thanglongsc.com.vn](http://www.thanglongsc.com.vn)
4. Có con dấu, có tài khoản mở tại các ngân hàng trong nước và ngoài nước.
5. Có bảng cân đối tài chính, các quỹ theo quy định của pháp luật.
6. Người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Công ty.
7. Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch tại địa bàn hoạt động, kinh doanh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

## **Điều 3. Thời hạn hoạt động của công ty**

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 47 của Điều lệ này, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long sẽ hoạt động vô thời hạn.

# **CHƯƠNG II**

## **NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

## **Điều 4. Lĩnh vực kinh doanh**

1. Lĩnh vực kinh doanh chứng khoán:
  - Môi giới chứng khoán;
  - Tự doanh chứng khoán;
  - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
  - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
  - Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
  - Lưu ký chứng khoán.
2. Các lĩnh vực kinh doanh khác được pháp luật cho phép.

## **Điều 5. Mục tiêu hoạt động**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, được thành lập để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép.

## **Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long hoạt động theo những nguyên tắc sau đây:

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và các pháp luật khác;
2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
3. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
4. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán;
6. Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;
7. Cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;
8. Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
9. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

## **Điều 7. Phạm vi hoạt động kinh doanh**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh theo giấy phép được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp và theo quy định của pháp luật.

## **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Công ty**

1. Quyền của Công ty
  - Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;
  - Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;
  - Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật;
  - Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
2. Nghĩa vụ của Công ty
  - Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
  - Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của công ty chứng khoán;
  - Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp thông tin trung thực, khách quan cho khách hàng;

- Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó;
- Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính;
- Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty;
- Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
- Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
- Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính;
- Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;
- Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo Điều 28 Luật Chứng khoán.

## **Điều 9. Các quy định hạn chế**

- 1 Quy định hạn chế đối với Công ty
  - Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
  - Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
  - Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
  - Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác.
2. Quy định hạn chế đối với Tổng giám đốc và người hành nghề chứng khoán của Công ty:
  - Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc;
  - Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ khác;
  - Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
  - Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty;
  - Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được khách hàng ủy thác.

#### **Điều 10. Các quy định về kiểm soát nội bộ**

1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty;
2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ;
3. Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ;
4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.

#### **Điều 11. Các quy định về bảo mật thông tin**

1. Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
  - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
  - Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;
  - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 12. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp**

1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty.
2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long xây dựng Quy tắc đạo đức hành nghề kinh doanh chứng khoán áp dụng đối với toàn bộ cán bộ, nhân viên trong Công ty.
3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ Các quy định trên của lãnh đạo và nhân viên Công ty.

### **CHƯƠNG III VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 13. Vốn điều lệ, cổ phần của Công ty**

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này:
  - Tổng số vốn điều lệ là: 800.000.000.000 đồng (tám trăm tỷ đồng Việt Nam)
  - Tổng số vốn điều lệ được chia thành: 80.000.000 cổ phần.
  - Mệnh giá cổ phần là: 10.000 Việt Nam đồng/cổ phần.
2. Loại cổ phần:
  - Tất cả cổ phần do Công ty phát hành tại thời điểm thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
  - Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi và cổ phần phổ thông dưới các hình thức bán hoặc trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng.

- Ngoài ra, Công ty có thể thưởng cổ phần cho những người lao động có nhiều đóng góp cho công ty khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Tăng, giảm vốn điều lệ**

1. Tăng vốn điều lệ:
  - 1.1 Công ty chỉ có thể tăng vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật khi:
    - Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc
    - Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.
  - 1.2 Công ty có thể tăng vốn điều lệ dưới các hình thức sau:
    - Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
    - Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
    - Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;
    - Trích từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
2. Giảm vốn điều lệ:
 

Việc giảm vốn điều lệ công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng phải đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.

#### **Điều 15. Các cổ đông của Công ty**

1. ***Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội.***  
 Giấy ĐKKD số: 060297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp ngày 30/09/1994  
 Địa chỉ trụ sở chính: Số 3 Liễu Giai - Ba Đình - Hà Nội.  
 Đại diện pháp luật quản lý phần vốn góp: theo quyết định của Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội từng thời kỳ.
2. ***Các cổ đông là thành viên HĐQT, cán bộ nhân viên Công ty.***
- 3 ***Các cổ đông khác.***

#### **Điều 16. Hạn chế đối với thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc**

Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là cổ đông của Công ty không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày có Quyết định thành lập và hoạt động.

#### **Điều 17. Cơ cấu góp vốn tại thời điểm thông qua Điều lệ**

Đơn vị: nghìn Việt Nam đồng; cổ phần; %

| Số TT | Các Cổ đông             | Số vốn góp theo mệnh giá | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu trong công ty |
|-------|-------------------------|--------------------------|------------|----------------------------|
| 1     | Ngân hàng TMCP Quân đội | 50.750.000.000           | 50.750.000 | 63,438%                    |

|   |                                                 |             |            |         |
|---|-------------------------------------------------|-------------|------------|---------|
| 2 | Cán bộ nhân viên Công ty Chứng khoán Thăng Long | 210.643.680 | 21.064.368 | 26,330% |
| 3 | CĐ cá nhân khác                                 | 81.856.320  | 8.185.632  | 10,232% |
|   | <b>TỔNG CỘNG</b>                                | 800.000.000 | 80.000.000 | 100,00  |

#### **Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là pháp nhân;
  - Giá trị vốn góp tại thời điểm góp vốn và phần vốn góp của từng thành viên, thời điểm góp vốn; số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
  - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
3. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính hoặc có thể lưu giữ tại cả Trung tâm Lưu ký.

#### **Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

1. Cổ đông của Công ty là tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật, sở hữu một hay nhiều cổ phần của Công ty.  
Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có quyền, nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần và loại cổ phần mà cổ đông sở hữu.
2. Cổ đông là pháp nhân:
  - Người đại diện phần vốn của một pháp nhân tại Công ty là người đại diện trước pháp luật của pháp nhân đó;
  - Người đại diện phần vốn có thể ủy quyền cho một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật;
  - Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất;
  - Trường hợp cổ đông là pháp nhân có sự thay đổi về tổ chức như sáp nhập, chia tách, hợp nhất thì pháp nhân được kế thừa quyền và nghĩa vụ của pháp nhân đã được tổ chức lại sẽ được coi là cổ đông của Công ty. Trong trường hợp này, cổ đông là pháp nhân mới phải gửi đến Công ty các văn bản pháp lý về việc tổ chức lại.

### 3. Quyền của cổ đông

#### 3.1 Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- Được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần;
- Tham dự và biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông trừ trường hợp quy định tại Điều 16 của Điều lệ này;
- Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
- Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 22 Điều lệ này;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### 3.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau:

- Các quyền như cổ đông phổ thông nêu tại Điều này;
- Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty;
- Các quyền khác phù hợp với quy định pháp luật.

#### 3.3 Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau:

- Nhận cổ tức theo quy định của Điều lệ này;
- Được mua cổ phần mới cùng loại khi Công ty chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần đang sở hữu với giá do Hội đồng quản trị quyết định tại thời điểm chào bán;
- Các quyền như cổ đông phổ thông nêu tại Điều này trừ quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội cổ đông; không có quyền đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo các điều kiện do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị.

#### 3.4 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền sau:

- Được mua cổ phần mới cùng loại khi Công ty chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần đang sở hữu với giá do Hội đồng quản trị quyết định tại thời điểm chào bán;

- Các quyền như cổ đông phổ thông nêu tại Điều này trừ quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội cổ đông; không có quyền đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
  - Được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo các điều kiện do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
4. Nghĩa vụ của cổ đông
- 4.1 Các cổ đông có nghĩa vụ sau:
- Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
  - Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
  - Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào Công ty;
  - Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ công ty;
  - Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
  - Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để thực hiện các hành vi sau:
    - + Vi phạm pháp luật;
    - + Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác;
    - + Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;
    - Thực hiện các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.
- 4.2 Cổ đông lớn của Công ty có cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch chứng khoán có nghĩa vụ sau:
- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày trở thành cổ đông lớn, cổ đông lớn phải báo cáo Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được niêm yết.

## **Điều 20. Cổ phiếu, cổ phần, phát hành cổ phiếu**

1. Hình thức cổ phiếu:
  - Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông.
  - Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi.
2. Phát hành cổ phiếu:
 

Công ty được phát hành cổ phiếu và việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
3. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần:
 

Cổ đông của Công ty được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

  - Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần được đóng dấu và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và tuân theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ: số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ; họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán Việt Nam quy định. Mỗi Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần;
  - Người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong thời hạn:

- + 20 ngày, kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần của Công ty;
- + 02 tháng, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty;
- Trường hợp chỉ chuyển nhượng một phần cổ phần trong Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ghi danh, Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cũ sẽ bị hủy bỏ và Giấy chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại được cấp cho người sở hữu;
- Trường hợp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa, bị mất hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phần đó có thể yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới với điều kiện phải xuất trình những giấy tờ liên quan để chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty;
- Người sở hữu cổ phần vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong trường hợp Giấy chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo;
- 4. Tất cả các mẫu cổ phiếu, trái phiếu hoặc các loại chứng khoán khác (trừ thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương ứng) của Công ty khi được phát hành phải có dấu, chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp có quy định khác.

## **Điều 21. Chào bán, chuyển nhượng và thu hồi cổ phần**

1. Chào bán cổ phần:
  - Công ty được chào bán cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán;
  - Công ty phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;
  - Phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.
2. Chuyển nhượng cổ phần:
  - Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp sau:
    - + Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
    - + Cổ phần phổ thông của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty theo quy định tại Điều 16, Điều lệ này;
    - + Cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Công ty, tùy thuộc vào đối tượng, mục đích từng đợt phát hành và phải phù hợp với quy định pháp luật.
  - Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải có chữ ký của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền và có xác nhận của Công ty;
  - Việc chuyển nhượng cổ phần khi cổ phiếu của Công ty đã niêm yết trên sàn giao dịch được thực hiện theo quy định của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch chứng khoán;
  - Hội đồng quản trị Công ty có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ hoặc chưa thông qua Hội đồng quản trị.
3. Thu hồi cổ phần:

- Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền phải trả khi mua cổ phần thì Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí, thiệt hại phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty;
- Thông báo nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và ghi rõ trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi;
- Nếu các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Khi bị thu hồi thì số cổ tức được công bố chia cho các cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi thì sẽ bị ngưng chi trả. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo các quy định của Điều lệ này;
- Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp;
- Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ mất tư cách cổ đông đối với số cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh và thanh toán tất cả các nghĩa vụ có liên quan đến số cổ phần sở hữu bị thu hồi kể từ ngày bị thu hồi cho đến ngày thanh toán thực tế. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán một phần hay toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi;
- Khi thu hồi cổ phần, Công ty sẽ gửi thông báo thu hồi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **Điều 22. Mua lại cổ phần**

1. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông  
Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định về việc tổ chức lại Công ty của Đại hội đồng cổ đông hoặc làm thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông đã được quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Mua lại theo quyết định Công ty
  - Khi Công ty chưa niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch chứng khoán, Công ty có quyền mua lại cổ phiếu của chính mình nhưng không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:
    - + Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng;
    - + Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Khi cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch chứng khoán, Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình phải công khai thông tin về việc mua lại trong vòng 07 ngày trước khi thực hiện mua lại.
- 3. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số tiền mua lại cổ phần, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 4. Công ty không được mua lại cổ phần nếu việc đó làm cho Công ty mất khả năng thanh toán.

### **Điều 23. Thừa kế cổ phần**

1. Trong trường hợp một cổ đông chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật, việc thừa kế cổ phần sẽ tuân theo các quy định của Điều lệ này, pháp luật về thừa kế và các quy định pháp luật có liên quan khác.
2. Sau khi xuất trình mọi giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp cổ phần, người thừa kế sẽ đăng ký tên mình là chủ sở hữu hợp pháp cổ phần đã nêu và trở thành cổ đông của Công ty và sẽ có các quyền, nghĩa vụ mà cổ đông chết hoặc mất tích trước đây có.
3. Cổ phần của những người quản lý Công ty có thể được thừa kế không hạn chế nhưng người thừa kế không được trở thành người quản lý Công ty theo quy định của Điều lệ này.

### **Điều 24. Phát hành trái phiếu**

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác phù hợp với các quy định của Pháp luật.
2. Hội đồng quản trị của Công ty có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm phát hành và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
3. Trường hợp không được quyền phát hành trái phiếu:
  - Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu phát hành và đã đến hạn, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;
  - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu dự định phát hành.

## **CHƯƠNG IV CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY**

### **Điều 25. Cơ cấu tổ chức và quản lý**

1. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm:
  - Đại hội đồng cổ đông;
  - Hội đồng quản trị;
  - Ban Kiểm soát;
  - Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;
  - Các khối, phòng ban, chi nhánh, đơn vị chức năng.
2. Tổ chức hoạt động:
  - Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông;
  - Đại hội đồng cổ đông bầu:

- + Hội đồng quản trị lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội;
- + Ban Kiểm soát để giám sát hoạt động kinh doanh và vốn của Công ty.
- Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

## **Điều 26. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông
  - Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - Quyết định mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
  - Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
  - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
  - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;
  - Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
  - Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Các đại diện được ủy quyền  
Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
  - 4.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm một lần, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam;
  - 4.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn tối đa là 04 tháng (hoặc trường hợp đặc biệt là 06 tháng) kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
    - Báo cáo tài chính năm;
    - Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
    - Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
    - Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
    - Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
    - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
  - 4.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
  - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định của Điều lệ này;
  - Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
  - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 4.4. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của công ty;
  - Khẳng định thời gian và địa điểm cuộc họp;
  - Thông báo cho tất cả các cổ đông về cuộc họp và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông có quyền dự họp.
5. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:
- 5.1 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm: địa điểm họp, chương trình họp và các thông tin chính về các vấn đề sẽ thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu:  
Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên Website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính.
  - Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu:
- + Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.
  - + Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.
  - + Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
- 5.2 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất:
- 20 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; hoặc
  - 07 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.
- Thời hạn này có thể được bỏ qua hoặc rút ngắn nếu có sự đồng ý của tất cả các cổ đông bằng văn bản.
- 5.3 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên Website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
- 5.4 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải sao gửi Tổng Giám đốc Công ty và các thành viên Ban Kiểm soát.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên theo quy định của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

- 6.1 Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 6.2 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất nêu trên trong các trường hợp sau:
- Đề xuất được gửi đến không đúng hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - Nội dung đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
- 7.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 7.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm 7.1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 7.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm 7.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 7.4 Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.
8. Thẻ thức tiến hành và thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- 8.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 8.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
- 8.3 Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 8.4 Chủ trì Đại hội đồng cổ đông là:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc
  - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt; hoặc
  - Thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt; hoặc
  - Đại hội sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp không ai trong số những người nêu trên có thể chủ trì. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
- 8.5 Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 8.6 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
  - Nếu chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định nêu trên thì Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
  - Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Các biện pháp có thể áp dụng để tiến hành Đại hội đồng cổ đông:
- Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp.
- 9.1 Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
- 9.2 Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
- Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
  - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
  - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- 9.3 Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

- 9.4 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
  - Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
  - Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
10. Nội dung Đại hội đồng cổ đông:  
Đại hội cổ đông phải thảo luận và thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
11. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:
- 11.1 Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông (ngoại trừ quy định tại Điểm 11.3 Điều này) có thể được các cổ đông đại diện cho ít nhất 65% quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại Điểm 11.2 của Điều này.
- 11.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung để các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức văn bản như sau:
- Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;
  - Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông để cổ đông có đầy đủ thông tin khi đưa ra các quyết định;
  - Tổng hợp kết quả bỏ phiếu và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày tính từ thời hạn cuối cùng nhận phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - Nghị quyết được thông qua bằng hình thức gửi văn bản theo quy định tại Điều này có giá trị tương đương các nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 11.3 Đối với Nghị quyết về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- 11.4 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông  
Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông) trong các trường hợp sau đây:
- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ công ty;
  - Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
- 12.1 Những người tham gia họp Đại hội cổ đông cử một thư ký ghi biên bản họp.

- Thư ký có quyền kiểm tra hoặc yêu cầu Ban kiểm soát xem xét tư cách dự Đại hội đồng cổ đông của những người tham gia. Đại hội đồng sẽ quyết định cuối cùng về vấn đề này.
- 12.2 Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 12.3 Tất cả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được ghi vào Sổ biên bản. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.
- 12.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.
- 12.5 Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này.
- 12.6 Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
13. Ủy quyền họp Đại hội đồng cổ đông
- 13.1 Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- 13.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
  - Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
  - Trong trường hợp khác, phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- 13.3 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 13.4 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 13.5 Trừ trường hợp quy định tại Điểm 13.4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trong thời gian dưới 48 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## **Điều 27. Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị
  - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - Kiến nghị loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán chuyển đổi của Công ty;
  - Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
  - Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Điều lệ này về mua lại cổ phần của Công ty;
  - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư vượt quá 10% kế hoạch kinh doanh và kế hoạch ngân sách hàng năm của Công ty;
  - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của công ty với người có liên quan quy định tại Khoản 1 Điều 35 Điều lệ này;
  - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
  - Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
  - Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - Quyết định cơ cấu tổ chức, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện;
  - Quyết định việc góp vốn, mua, bán cổ phần các doanh nghiệp khác liên quan đến nghiệp vụ Tự doanh của Công ty và có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - Trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

- Kiến nghị việc tổ chức, tái cơ cấu lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
  - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị
- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật; và
  - Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc
  - Người khác không phải là cổ đông của công ty nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính.
4. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị
- 4.1. Thành phần, số thành viên:
- Hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
  - Số thành viên Hội đồng quản trị: Tại thời điểm thông qua Điều lệ này Hội đồng quản trị có 5 thành viên.
  - Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm 1/3 so với số quy định tại Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị mất tư cách thành viên.
  - Thành viên Hội đồng quản trị mới được chỉ định thay thế vào chỗ trống phát sinh phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo. Khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực từ ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
  - Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo ít nhất ba lần trên 02 tờ báo địa phương trong vòng 05 ngày kể từ ngày bổ nhiệm.
- 4.2. Việc ứng cử và đề cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị:
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất là 06 tháng được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong vòng 06 tháng liên tục trở lên có quyền gộp số cổ phần phổ thông của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên Hội đồng quản trị. Nếu tổng số cổ phần mà họ nắm giữ từ 10% đến dưới 30% thì họ có quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nếu chiếm từ 30% đến dưới 50% thì họ được đề cử 02 thành viên; nếu từ 50% đến 70% thì họ được đề cử 03 thành viên và nếu lớn hơn 70% thì họ được đề cử 04 thành viên;
  - Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

- 4.3 Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm;
  - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến Trụ sở chính Công ty;
  - Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đủ năng lực hành vi;
  - Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; và
  - Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 4.4 Nhiệm kỳ:
- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm;
  - Mỗi thành viên Hội đồng quản trị được bầu trong một nhiệm kỳ 05 năm và có thể phục vụ các nhiệm kỳ tiếp theo nếu được Đại hội đồng cổ đông bầu lại;
  - Nếu một vị trí trong Hội đồng quản trị bị khuyết thì Đại hội đồng cổ đông phải bầu một người kế nhiệm để phục vụ nhiệm kỳ còn lại.
5. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 5.1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ được kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành nếu được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 5.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
  - Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
  - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
  - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.
- 5.3 Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 5.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động kinh doanh của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

- 5.5 Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì, Hội đồng quản trị phải bầu người tạm thời thay thế trong thời hạn mười ngày kể từ ngày Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn.
6. Người đại diện thành viên Hội đồng quản trị
- 6.1 Một thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho một đại diện để thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Cuộc họp Hội đồng quản trị. Người đại diện này phải là thành viên Hội đồng quản trị. Một thành viên Hội đồng quản trị có thể làm đại diện cho nhiều thành viên khác của Hội đồng quản trị.
- 6.2 Văn bản ủy quyền nêu tại Điểm 6.1 phải gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và chỉ có hiệu lực sau khi Chủ tịch Hội đồng quản trị nhận được ủy quyền này hoặc nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị hiện chưa được bầu thì gửi cho từng thành viên Hội đồng quản trị khác.
- 6.3 Người được ủy quyền có quyền nhận thông báo tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp Hội đồng quản trị. Người được ủy quyền không được nhận bất cứ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc mà mình được ủy quyền thực hiện với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp
- 7.1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường:
- Họp định kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
  - Họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp về các vấn đề cần bàn:
    - + Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 cán bộ quản lý khác;
    - + 02 thành viên Hội đồng quản trị;
    - + Chủ tịch Hội đồng quản trị;
    - + Đa số thành viên Ban kiểm soát.
- 7.2 Các cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn 15 ngày, sau khi có đề xuất họp. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Trong trường hợp này, những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 7.3 Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình hoạt động của Công ty.
- 7.4 Địa điểm họp
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- 7.5 Khách mời
- Ngoài các thành viên Hội đồng quản trị, những người sau là khách mời dự Cuộc họp Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải cho phép họ tham dự, bao gồm:

- + Tổng Giám đốc;
- + Thành viên Ban Kiểm soát;
- + Những người quản lý và người lao động khác của Công ty được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 02 thành viên Hội đồng quản trị mời tham dự;
- + Phiên dịch của thành viên Hội đồng quản trị là người nước ngoài (nếu có).
- Các khách mời nói trên có quyền tham dự Cuộc họp Hội đồng quản trị và thảo luận các vấn đề, nhưng không được biểu quyết.

#### 7.6 Thông báo chương trình họp

- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty;
- Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp;
- Các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố;

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;

- Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

#### 7.7 Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị

Trường hợp một cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức mà không có Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không có mặt trong vòng 15 phút sau thời điểm quy định hoặc không muốn làm Chủ tọa cuộc họp thì các thành viên Hội đồng quản trị có mặt có thể lựa chọn một trong số họ làm chủ tọa Cuộc họp.

#### 7.8 Họp bằng công nghệ theo hình thức nghị sự

- Các công nghệ sau có thể được sử dụng để tổ chức họp Hội đồng quản trị:
  - + Video;
  - + Điện thoại;
  - + Thư điện tử;
  - + Công nghệ khác cho phép mỗi thành viên Hội đồng quản trị giao tiếp với từng thành viên khác; hoặc
  - + Kết hợp các công nghệ này.
- Tùy thuộc vào sự chấp thuận trước của Hội đồng quản trị, Công ty phải cung cấp phương tiện và trang trải chi phí đối với phần công nghệ nêu trên cho các thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu.

- Trường hợp tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị không cùng dự họp tại một địa điểm và đang tổ chức họp sử dụng công nghệ và mỗi thành viên Hội đồng quản trị có thể giao tiếp với các thành viên khác thì cuộc họp này được xem là tất cả các thành viên “có mặt” tại cuộc họp đó. Hình thức họp này được coi là họp pháp và có hiệu lực như cuộc họp mà các thành viên Hội đồng quản trị có mặt tại cùng một địa điểm. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất hiện diện hoặc nếu không có nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.
- 7.9 Hợp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên tham dự và được ghi đầy đủ vào sổ biên bản.
- 7.10 Biểu quyết:
- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
  - Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp chấp thuận;
  - Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà người đó hoặc những người liên quan của họ có lợi ích và lợi ích này mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên này sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - Các thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua quyết định của Hội đồng quản trị bằng việc gửi phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải được gửi trong phong bì dán kín và chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất là 01 giờ trước khi khai mạc cuộc họp Hội đồng quản trị. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự hiện diện của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên biểu quyết theo hình thức này được xem là trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
8. Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng văn bản
- 8.1 Hội đồng quản trị có thể thông qua các nghị quyết mà không cần cuộc họp Hội đồng quản trị nếu quyết định có liên quan được chấp thuận và gửi đến tất cả mọi thành viên Hội đồng quản trị và được tất cả các thành viên chấp thuận bằng văn bản.
- 8.2 Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ.
- 8.3 Nghị quyết này có thể được lấy ý kiến thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký và được lưu trong Sổ biên bản Hội đồng quản trị.
9. Biên bản họp Hội đồng quản trị
- 9.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào Sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung về tiến trình của cuộc họp, kể cả chi tiết về các quyết định được thông qua hay bác bỏ tại cuộc họp Hội đồng quản trị và thực hiện theo quy định của Pháp luật.
- 9.2 Tại mỗi cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải chỉ định một thư ký lập biên bản cuộc họp đầy đủ và chính xác.

- 9.3 Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và Tiếng Anh (nếu cần thiết). Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản Tiếng Việt và Tiếng Anh thì nội dung bản Tiếng Việt được lấy làm căn cứ.
- 9.2 Biên bản được lưu trong Sổ biên bản và được sao gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị.
- 9.3 Sổ biên bản họp Hội đồng quản trị phải lưu giữ tại Trụ sở của Công ty.

## **Điều 28. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác**

### **1. *Tổng Giám đốc***

- 1.1 Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một thành viên khác làm Tổng Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 1.2 Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 1.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 1.4 Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:
- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết nghị của Hội đồng quản trị, theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty;
  - Xây dựng kế hoạch kinh doanh dài hạn và hàng năm;
  - Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
  - Chuẩn bị các bản dự toán ngân sách dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty phục vụ hoạt động quản lý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Các bản dự toán này phải trình Hội đồng quản trị thông qua;
  - Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
  - Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;
  - Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê;
  - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - Tuyển dụng lao động;
  - Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - Đại diện Công ty trước pháp luật và các tranh chấp liên quan đến Công ty;
  - Được quyền ra các quyết định vượt thẩm quyền vì lợi ích của Công ty trong những trường hợp khẩn cấp hoặc bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn và các trường hợp bất khả

kháng khác. Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay sau khi có thể và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về những quyết định này của mình;

- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với công ty và theo quy định của Pháp luật.

#### 1.5 Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

- Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền;
- Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật chứng khoán;
- Có thâm niên công tác ít nhất là 03 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- Không phải là người hành nghề đã bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán;
- Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc tại một doanh nghiệp khác;
- Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong thời hạn 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng;
- Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước.

#### 1.6 Báo cáo Hội đồng quản trị và các cổ đông của Công ty

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

#### 1.7 Đại diện theo ủy quyền của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc Công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.

#### 1.8 Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- + Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại điểm 1.5 Điều này;
- + Có đơn xin từ chức;
- + Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ 2/3 thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế;
- + Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

- Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.
- 2. **Phó Tổng Giám đốc**
  - Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm với sự đề xuất của Tổng Giám đốc;
  - Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm giúp việc cho Tổng Giám đốc.
- 3. **Kế toán trưởng**
  - Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm với sự đề xuất của Tổng Giám đốc;
  - Kế toán trưởng có trách nhiệm giúp việc cho Tổng Giám đốc;
  - Ngoài các công việc khác, Kế toán trưởng phải tổ chức lập báo cáo tài chính của Công ty.
- 4. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty không được phép kiêm nhiệm chức vụ cán bộ quản lý của một tổ chức kinh tế khác của Việt Nam.

#### **Điều 29. Thư ký Công ty**

- Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.
- Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
  - + Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - + Làm biên bản các cuộc họp;
  - + Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - + Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 30. Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát có số lượng tối thiểu là 03 thành viên, tối đa là 05 thành viên.
2. Thành viên Ban kiểm soát, số lượng của mỗi nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi miễn và thông qua theo phương thức dồn phiếu.
3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm.  
Vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
4. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông, về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát
  - Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người bị pháp luật cấm giữ chức vụ đó;
  - Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
  - Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;
  - Ít nhất một nửa số thành viên phải cư trú tại Việt Nam;
  - Ít nhất có một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
6. Trưởng Ban Kiểm soát
- Tất cả các thành viên Ban Kiểm soát phải bầu ra một người trong Ban kiểm soát làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số phiếu và phải là một cổ đông cá nhân hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
7. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát
- 7.1 Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát mọi hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát phải hành động một cách độc lập với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông.
- 7.2 Ban Kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm:
- Kiểm tra việc Hội đồng quản trị tuân thủ pháp luật và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - Kiểm tra việc Ban Tổng Giám đốc tuân thủ pháp luật và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
  - Kiểm tra hiệu quả công việc quản lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
  - Bảo đảm quy trình đề cử Hội đồng quản trị một cách minh bạch và theo nghi thức;
  - Điều tra việc quản lý và thực hiện các hoạt động của Công ty nếu được Đại hội đồng cổ đông yêu cầu;
  - Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến việc rút lui của Công ty kiểm toán độc lập;
  - Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán;
  - Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
  - Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
  - Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông;
  - Trình Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;
  - Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của chủ sở hữu công ty, của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định của pháp luật;
  - Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này hoặc theo yêu cầu, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Quyền và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát:
- Triệu tập cuộc họp của Ban kiểm soát;
  - Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên Ban kiểm soát;
  - Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
9. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát
- 9.1 Đề cử
- Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có thể đề cử 01 ứng viên vào Ban kiểm soát;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 tháng liên tục trở lên có thể tập hợp các phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Ban Kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ từ 10% đến dưới 30% được đề cử 01 người; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 02 người; từ 50% đến dưới 70% được đề cử 03 người và từ 70% trở lên được đề cử 04 người.
- 9.2 Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
  - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều này;
  - Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục (trừ trường hợp bất khả kháng) và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã ra phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - Có đơn xin từ chức được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
  - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần hoặc các thành viên khác trong Ban kiểm soát có bằng chứng chứng minh được thành viên đó không còn đủ năng lực hành vi;
  - Thành viên đó bị cách chức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.
10. Yêu cầu cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát
- Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao

các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

**11. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

- Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát;
- Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 người.

## **CHƯƠNG V**

### **THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 31. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty**

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc như sau:
  - Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng; Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty;
  - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
  - Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng.

**Điều 32 . Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty**

1. Thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty được trả thù lao công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý.

**Điều 33.**

Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý và Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

## **CHƯƠNG VI**

### **NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 34. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty và thành viên Ban Kiểm soát**

- Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty, cổ đông của công ty;
- Trung thành với lợi ích của công ty, cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 35. Hợp đồng, giao dịch của công ty với người có liên quan.**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
  - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
  - Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
  - Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
2. Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết mà không tuân theo quy định tại Điều này và các quy định khác của pháp luật.

## **CHƯƠNG VII**

### **CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

#### **Điều 36. Công nhân viên và công đoàn**

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG VIII**

### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 37. Tài khoản ngân hàng**

- Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam
- Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 38. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

#### **Điều 39. Hệ thống kế toán**

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty;
2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty;
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

#### **Điều 40. Kiểm toán Công ty**

Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận xác nhận.

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

#### **Điều 41. Chế độ báo cáo và công bố thông tin**

1. Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi cần thiết. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu báo cáo.
2. Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin ra công chúng theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG IX NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ**

#### **Điều 42. Phân chia lợi nhuận**

Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

#### **Điều 43. Xử lý lỗ trong kinh doanh**

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

#### **Điều 44. Trích lập các Quỹ theo quy định**

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
  - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
  - Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ: bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
  - Các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty, phù hợp quy định pháp luật.
2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ này thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG X TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, TỐ TỤNG TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY**

#### **Điều 45. Tổ chức lại công ty**

Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### **Điều 46. Tổ tụng tranh chấp**

1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tổ tụng tranh chấp.
2. Công ty tôn trọng và chấp hành các chế tài của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật khác.
3. Giải quyết tranh chấp nội bộ
- 3.1 Khi phát sinh tranh chấp hoặc kiện tụng liên quan tới công việc kinh doanh của Công ty hoặc các quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc các quyền, nghĩa vụ khác theo phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán hay các quy định pháp luật khác, giữa:
  - Cổ đông với Công ty; hoặc
  - Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp của Công ty; hoặc
  - Những người quản lý và người lao động với những người khác hoặc Công ty.Các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các vấn đề thực tế liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị thì bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
- 3.2 Nếu không giải quyết được tranh chấp trong vòng 30 ngày kể từ khi bắt đầu hòa giải hoặc nếu quyết định của người trung gian hòa giải không được các bên tranh chấp chấp nhận thì một bên tranh chấp có thể đưa ra cơ quan tòa án hoặc trọng tài có thẩm quyền giải quyết vụ việc.
- 3.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Khi tranh chấp được cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì các chi phí sẽ do cơ quan này phán quyết.

#### **Điều 47. Giải thể và thanh lý**

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
  - Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty kể cả sau khi đã gia hạn;
  - Đại hội đồng cổ đông biểu quyết giải thể Công ty và Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ;
  - Công ty bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
2. Trường hợp công ty tự giải thể trước khi kết thúc thời hạn hoạt động phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
3. Hội đồng Quản trị công ty thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể, có sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng Quản trị công ty và pháp luật.

- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan quản lý về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
- Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - + Các chi phí thanh lý;
  - + Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho nhân viên;
  - + Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
  - + Các khoản vay (nếu có);
  - + Các khoản nợ khác của Công ty;
  - + Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

#### **Điều 48. Phá sản**

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

### **CHƯƠNG XI SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 49. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

### **CHƯƠNG XII HIỆU LỰC**

#### **Điều 50. Hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 12 chương, 50 điều, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long nhất trí thông qua ngày 9 tháng 10 năm 2009 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, trong đó:
  - 01 bản nộp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
  - 02 bản lưu tại Hội sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
5. Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2009/.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG  
TỔNG GIÁM ĐỐC**